

II. Bảng xếp hạng dành UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Xếp hạng chung:

TT	Tên cơ quan	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Hạ tầng nhân lực CNTT	Ứng dụng CNTT	Môi trường chính sách CNTT	Tổng điểm	Xếp hạng năm 2014	Xếp hạng năm 2015
Nhóm cơ quan có mức độ ứng dụng CNTT khá								
1	UBND Thị xã Bỉm Sơn	16,69	9,00	37,46	10,00	73,15	3	1
2	UBND thành phố Thanh Hoá	18,43	13,00	29,23	11,00	71,66	1	2
3	UBND huyện Yên Định	12,99	13,00	35,35	9,00	70,34	2	3
4	UBND huyện Nga Sơn	13,77	11,00	34,28	11,00	70,05	5	4
5	UBND huyện Cẩm Thủy	14,10	11,00	35,93	9,00	70,03	6	5
Nhóm cơ quan có mức độ ứng dụng CNTT trung bình								
6	UBND huyện Nông Cống	14,33	10,85	34,85	7,00	67,03	7	6
7	UBND huyện Thạch Thành	13,23	12,83	31,04	8,00	65,10	13	7
8	UBND huyện Quan Sơn	14,29	9,00	32,24	9,00	64,53	11	8
9	UBND huyện Hà Trung	14,30	10,12	29,96	10,00	64,38	17	9
10	UBND huyện Như Xuân	14,77	11,00	28,33	10,00	64,20	8	10
11	UBND huyện Như Thanh	14,67	11,00	29,88	7,00	62,55	12	11
12	UBND huyện Hoằng Hoá	12,43	7,73	33,01	9,00	62,17	4	12
13	UBND huyện Lang Chánh	12,38	10,00	32,67	8,00	62,05	23	13
14	UBND huyện Quảng Xương	12,97	8,41	31,38	8,00	60,76	19	14
15	UBND huyện Tĩnh Gia	14,75	11,08	28,86	6,00	60,69	16	15
16	UBND huyện Hậu Lộc	16,18	6,00	30,03	8,00	60,21	20	16
17	UBND huyện Triệu Sơn	14,33	9,00	27,80	9,00	60,13	18	17
18	UBND huyện Ngọc Lặc	14,58	8,66	28,83	8,00	60,07	15	18
19	UBND huyện Mường Lát	13,28	9,00	30,88	6,00	59,16	9	19
20	UBND huyện Bá Thước	14,05	9,00	26,79	8,00	57,84	10	20
21	UBND huyện Thường Xuân	11,39	10,46	28,97	7,00	57,82	21	21
22	UBND huyện Thọ Xuân	13,59	8,89	25,57	8,50	56,55	25	22
23	UBND huyện Đông Sơn	13,55	9,00	25,27	8,00	55,82	26	23
24	UBND huyện Quan Hoá	11,87	9,38	27,39	7,00	55,64	14	24

25	UBND Thị xã Sầm Sơn	11,65	9,00	27,31	7,00	54,96	24	25
26	UBND huyện Vĩnh Lộc	14,85	9,00	22,27	8,00	54,12	22	26
27	UBND huyện Thiệu Hoá	11,96	9,00	22,44	8,00	51,40	27	27

2. Xếp hạng theo từng lĩnh vực

2.1. Hạ tầng kỹ thuật CNTT

TT	Tên cơ quan	Hạ tầng kỹ thuật CNTT	Xếp hạng năm 2014	Xếp hạng năm 2015
1	UBND thành phố Thanh Hoá	18,43	1	1
2	UBND Thị xã Bỉm Sơn	16,69	2	2
3	UBND huyện Hậu Lộc	16,18	23	3
4	UBND huyện Vĩnh Lộc	14,85	25	4
5	UBND huyện Như Xuân	14,77	6	5
6	UBND huyện Tĩnh Gia	14,75	14	6
7	UBND huyện Như Thanh	14,67	10	7
8	UBND huyện Ngọc Lặc	14,58	4	8
9	UBND huyện Nông Cống	14,33	6	9
10	UBND huyện Triệu Sơn	14,33	8	9
11	UBND huyện Hà Trung	14,30	9	11
12	UBND huyện Quan Sơn	14,29	5	12
13	UBND huyện Cẩm Thủy	14,10	11	13
14	UBND huyện Bá Thước	14,05	20	14
15	UBND huyện Nga Sơn	13,77	15	15
16	UBND huyện Thọ Xuân	13,59	24	16
17	UBND huyện Đông Sơn	13,55	13	17
18	UBND huyện Mường Lát	13,28	16	18
19	UBND huyện Thạch Thành	13,23	17	19
20	UBND huyện Yên Định	12,99	18	20
21	UBND huyện Quảng Xương	12,97	19	21
22	UBND huyện Hoằng Hoá	12,43	3	22
23	UBND huyện Lang Chánh	12,38	12	23
24	UBND huyện Thiệu Hoá	11,96	26	24
25	UBND huyện Quan Hoá	11,87	21	25
26	UBND Thị xã Sầm Sơn	11,65	22	26
27	UBND huyện Thường Xuân	11,39	27	27

2.2. Hạ tầng nhân lực CNTT

TT	Tên cơ quan	Hạ tầng nhân lực CNTT	Xếp hạng năm 2014	Xếp hạng năm 2015
1	UBND thành phố Thanh Hoá	13,00	3	1
2	UBND huyện Yên Định	13,00	3	1
3	UBND huyện Thạch Thành	12,83	1	3
4	UBND huyện Tĩnh Gia	11,08	2	4
5	UBND huyện Như Xuân	11,00	6	5
6	UBND huyện Như Thanh	11,00	10	5
7	UBND huyện Cẩm Thủy	11,00	6	5
8	UBND huyện Nga Sơn	11,00	5	5
9	UBND huyện Nông Cống	10,85	8	9

10	UBND huyện Thường Xuân	10,46	10	10
11	UBND huyện Hà Trung	10,12	19	11
12	UBND huyện Lang Chánh	10,00	20	12
13	UBND huyện Quan Hoá	9,38	10	13
14	UBND Thị xã Bim Sơn	9,00	14	14
15	UBND huyện Vĩnh Lộc	9,00	10	14
16	UBND huyện Triệu Sơn	9,00	14	14
17	UBND huyện Quan Sơn	9,00	22	14
18	UBND huyện Bá Thước	9,00	16	14
19	UBND huyện Đông Sơn	9,00	27	14
20	UBND huyện Mường Lát	9,00	22	14
21	UBND huyện Thiệu Hoá	9,00	20	14
22	UBND Thị xã Sầm Sơn	9,00	22	14
23	UBND huyện Thọ Xuân	8,89	26	23
24	UBND huyện Ngọc Lặc	8,66	18	24
25	UBND huyện Quảng Xương	8,41	16	25
26	UBND huyện Hoằng Hoá	7,73	22	26
27	UBND huyện Hậu Lộc	6,00	9	27

2.3. Ứng dụng CNTT

TT	Tên cơ quan	Ứng dụng CNTT	Xếp hạng năm 2014	Xếp hạng năm 2015
1	UBND Thị xã Bim Sơn	37,46	4	1
2	UBND huyện Cẩm Thủy	35,93	8	2
3	UBND huyện Yên Định	35,35	2	3
4	UBND huyện Nông Cống	34,85	7	4
5	UBND huyện Nga Sơn	34,28	5	5
6	UBND huyện Hoằng Hoá	33,01	3	6
7	UBND huyện Lang Chánh	32,67	20	7
8	UBND huyện Quan Sơn	32,24	16	8
9	UBND huyện Quảng Xương	31,38	11	9
10	UBND huyện Thạch Thành	31,04	14	10
11	UBND huyện Mường Lát	30,88	8	11
12	UBND huyện Hậu Lộc	30,03	24	12
13	UBND huyện Hà Trung	29,96	13	13
14	UBND huyện Như Thanh	29,88	18	14
15	UBND thành phố Thanh Hoá	29,23	1	15
16	UBND huyện Thường Xuân	28,97	17	16
17	UBND huyện Ngọc Lặc	28,83	15	17
18	UBND huyện Tĩnh Gia	28,86	19	18
19	UBND huyện Như Xuân	28,33	12	19
20	UBND huyện Triệu Sơn	27,80	25	20
21	UBND huyện Quan Hoá	27,39	10	21
22	UBND Thị xã Sầm Sơn	27,31	22	22

23	UBND huyện Bá Thước	26,79	6	23
24	UBND huyện Thọ Xuân	25,57	23	24
25	UBND huyện Đông Sơn	25,27	26	25
26	UBND huyện Thiệu Hoá	22,44	27	26
27	UBND huyện Vĩnh Lộc	22,27	21	27

2.4. Môi trường và chính sách CNTT

TT	Tên cơ quan	Môi trường và Chính sách CNTT	Xếp hạng năm 2014	Xếp hạng năm 2015
1	UBND huyện Nga Sơn	11,00	1	1
2	UBND thành phố Thanh Hoá	11,00	2	1
3	UBND Thị xã Bỉm Sơn	10,00	2	3
4	UBND huyện Hà Trung	10,00	25	3
5	UBND huyện Yên Định	9,00	2	5
6	UBND huyện Cẩm Thủy	9,00	12	5
7	UBND huyện Hoằng Hoá	9,00	2	5
8	UBND huyện Quan Sơn	9,00	6	5
9	UBND huyện Triệu Sơn	9,00	7	5
10	UBND huyện Thọ Xuân	8,50	16	10
11	UBND huyện Lang Chánh	8,00	16	11
12	UBND huyện Quảng Xương	8,00	25	11
13	UBND huyện Thạch Thành	8,00	18	11
14	UBND huyện Hậu Lộc	8,00	7	11
15	UBND huyện Như Xuân	8,00	18	11
16	UBND huyện Ngọc Lặc	8,00	18	11
17	UBND huyện Bá Thước	8,00	18	11
18	UBND huyện Đông Sơn	8,00	12	11
19	UBND huyện Thiệu Hoá	8,00	12	11
20	UBND huyện Vĩnh Lộc	8,00	7	11
21	UBND huyện Nông Cống	7,00	18	21
22	UBND huyện Như Thanh	7,00	7	21
23	UBND huyện Thường Xuân	7,00	15	21
24	UBND huyện Quan Hoá	7,00	18	21
25	UBND Thị xã Sầm Sơn	7,00	18	21
26	UBND huyện Mường Lát	6,00	7	26
27	UBND huyện Tĩnh Gia	6,00	25	26